

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Sỹ Thạo

Bà Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Chanh Ni – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên Hải tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Ch, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp CC, xã L V, huyện D, tỉnh T. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lâm Văn C, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp CC, xã LV, huyện D, tỉnh T. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Ngô Thị Ch trình bày: Vào năm 1995 tôi và anh Lâm Văn C quen biết với nhau tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc tuy nhiên đến năm 2019 thì vợ chồng thường cự cãi do bất đồng quan điểm, anh C thường xuyên bạo lực với tôi. Xét thấy đời sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Lâm Văn C.

Về con chung có ba người con chung tên: Lâm Kim Đ, sinh ngày 10-5-1996; Lâm Lệ Nh, sinh ngày 10-3-1999 và Lâm Thị Ngọc Y, sinh ngày 28-02-2000 đã trưởng thành nên không có yêu cầu.

Tài sản chung: không có nên không yêu cầu.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-6-2020 và tại phiên Tòa hôm nay anh Lâm Văn C thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như lời trình bày của chị Ch, do vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên anh thống nhất ly hôn như yêu cầu của chị Ch do anh bận công việc gia đình nên khi Tòa hòa giải anh không tham gia. Về con chung có ba người con chung tên: Lâm Kim Đ, sinh ngày 10-5-1996; Lâm Lệ Nh, sinh ngày 10-3-1999 và Lâm Thị Ngọc Y, sinh ngày 28-02-2000 đã trưởng thành nên không có yêu cầu.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, nhận thấy việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục, quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện Kiểm Sát nghiên cứu đúng thời hạn; cấp tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96, 97, 109 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng xét xử và thư ký tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Theo các chứng cứ chị Ngô Thị Ch cho rằng quan hệ hôn nhân không hạnh phúc nên chị nộp đơn xin ly hôn với anh C là có căn cứ chấp nhận. Do hai bên đương sự không có đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật nên đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận vợ chồng về quan hệ hôn nhân giữa chị Ch và anh C.

Về con chung có ba người con chung tên Lâm Kim Đ, sinh ngày 10-5-1996; Lâm Lệ Nh, sinh ngày 10-3-1999 và Lâm Thị Ngọc Y, sinh ngày 28-02-2000 đã trưởng thành nên không có yêu cầu.

Tài sản chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Ngô Thị Ch phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Lâm Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã LV, huyện D, tỉnh T, đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Ch có nội dung yêu cầu ly hôn nên có quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đơn khởi kiện của chị Ch yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Văn C nên Tòa án thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị Ch nhưng xét nội dung vụ án do anh, chị chung sống không có đăng ký kết hôn nên quan hệ tranh chấp cần sửa lại cho đúng là không công nhận vợ chồng.

[3]. Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Ch, thấy rằng chị Ch và anh C tự nguyện xác lập hôn nhân vào năm 1995 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Ch và anh C là không hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Ch và anh C xảy ra từ đầu năm 2019 đến nay, xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hòa hợp, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nguyên nhân là do anh chị không thấu hiểu và chia sẻ với nhau mà thường xuyên cự cãi. Anh, chị không còn sống chung gần hai năm nay mà không có giải pháp hàn gắn đoàn tụ với nhau. Từ nhận định trên thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị Ch và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị Ch và anh C là vợ chồng.

[4]. Về con chung: có ba người con chung tên Lâm Kim Đ, sinh ngày 10-5-1996; Lâm Lệ Nh, sinh ngày 10-3-1999 và Lâm Thị Ngọc Y, sinh ngày 28-02-2000 đã trưởng thành nên không có yêu cầu.

[5]. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Ngô Thị Ch phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi, bổ sung năm 2011;

Áp dụng các Điều 14, 51, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Ngô Thị Ch và anh Lâm Văn C là vợ chồng.

Về con chung: có ba người con chung tên Lâm Kim Đ, sinh ngày 10-5-1996; Lâm Lệ Nh, sinh ngày 10-3-1999 và Lâm Thị Ngọc Y, sinh ngày 28-02-2000 đã trưởng thành không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Ngô Thị Ch phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003549 ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Án sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã Long Vĩnh,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thảo

